

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>6 – 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009</b>	<b>13 - 30</b>

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA – BAO BÌ VINH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 10 năm 2006 tăng vốn điều lệ từ 14.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 04 năm 2008 tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 18.983.640.000 VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4	9.695.000.000	51%
Các cổ đông khác	9.288.640.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>18.983.640.000</b>	<b>100%</b>

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Điện thoại : 0383855 524  
Fax : 0383856 007  
E-mail : vbc@hn.vnn.vn  
Mã số thuế : 2 9 0 0 5 3 1 2 2 2

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì;
- Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì...).

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Trong năm Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2008 với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tổng số tiền là 2.847.546.000 VND và tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 1.898.364.000 VND.

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA – BAO BÌ VINH**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch	Ngày 19/01/2008
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch	Ngày 25/01/2005
Ông Phạm Thị Nguyệt	Ủy viên	Ngày 25/01/2005
Ông Cao Xuân Vinh	Ủy viên	Ngày 19/01/2008
Bà Trần Thị Hồng Thái	Ủy viên	Ngày 19/01/2008

#### ***Ban Kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Huy Tân	Trưởng ban	Ngày 21/01/2006
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	Ngày 19/01/2008
Ông Hoàng Xuân Hùng	Thành viên	Ngày 25/01/2005

#### ***Ban điều hành, quản lý***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Hải	Giám đốc	Ngày 09/07/2004
Ông Cao Xuân Vinh	Phó Giám đốc	Ngày 06/06/2005

***Kế toán trưởng:*** Bà Trần Thị Hồng Thái

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### **Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA – BAO BÌ VINH**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

---

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Giám đốc**

---

**Nguyễn Xuân Hải**

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

### **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA – BAO BÌ VINH**

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao Bì Vinh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

#### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

---

**Nguyễn Thị Tư**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ0059/KTV*

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2010

---

**Nguyễn Hoàng Đức**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83,619,375,264</b>	<b>55,955,963,177</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>377,175,863</b>	<b>2,153,945,891</b>
1. Tiền	111		377,175,863	2,153,945,891
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45,141,412,565</b>	<b>35,251,619,549</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	45,446,444,647	35,389,153,785
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	44,000,000	86,975,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	91,748,379	7,569,568
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(440,780,461)	(232,078,804)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>31,328,301,498</b>	<b>18,224,570,819</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	31,328,301,498	18,224,570,819
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6,772,485,338</b>	<b>325,826,918</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	-	210,206,595
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,249,322,885	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3,523,162,453	115,620,323

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21,492,937,534</b>	<b>22,065,379,829</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20,892,937,534</b>	<b>21,465,379,829</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	20,793,455,977	21,465,379,829
<i>Nguyên giá</i>	222		44,896,278,234	38,367,556,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24,102,822,257)	(16,902,176,472)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	99,481,557	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>600,000,000</b>	<b>600,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	600,000,000	600,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>105,112,312,798</b>	<b>78,021,343,006</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67,331,478,171</b>	<b>54,944,010,992</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60,999,047,138</b>	<b>50,898,109,336</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	28,659,591,092	38,188,248,977
2. Phải trả người bán	312	V.13	23,672,674,351	8,263,504,000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	45,829,661	190,340,703
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3,725,809,490	1,522,048,781
5. Phải trả người lao động	315		2,822,362,764	1,193,257,919
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1,725,353,103	452,441,818
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	347,426,677	1,088,267,138
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6,332,431,033</b>	<b>4,045,901,656</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	4,832,440,658	3,904,710,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19	1,499,990,375	141,191,656
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37,780,834,627</b>	<b>23,077,332,014</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>37,531,464,445</b>	<b>23,043,473,872</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	18,983,640,000	18,983,640,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.21	13,289,554	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	1,519,403,148	1,164,760,319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	1,696,609,484	1,302,561,896
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	15,318,522,259	1,592,511,657
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>249,370,182</b>	<b>33,858,142</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.22	249,370,182	33,858,142
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>105,112,312,798</b>	<b>78,021,343,006</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<u>                    </u>	<u>                    </u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		364.12	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**Kế toán trưởng**

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2010

**Giám đốc**

---

**Trần Thị Hồng Thái**

---

**Nguyễn Xuân Hải**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH**

Khôi 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	272,316,904,650	220,283,009,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	366,678,874	599,789,902
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	271,950,225,776	219,683,219,662
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	227,593,963,309	193,763,816,163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44,356,262,467	25,919,403,499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	99,973,259	50,685,898
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,691,519,306	8,746,111,560
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,412,630,209	5,511,252,450
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9,721,784,429	7,237,813,800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6,555,866,309	4,431,327,859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23,487,065,682	5,554,836,178
11. Thu nhập khác	31	VI.7	63,259,209	126,123,780
12. Chi phí khác	32	VI.8	195,498,076	93,478,607
13. Lợi nhuận khác	40		(132,238,867)	32,645,173
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,354,826,815	5,587,481,351
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6,137,940,556	1,671,775,905
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(24,770,433)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17,216,886,259</u>	<u>3,940,475,879</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>9,069</u>	<u>2,076</u>

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH**

Khởi 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>23,354,826,815</b>	<b>5,587,481,351</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	7,200,645,785	4,707,183,882
- Các khoản dự phòng	03	V.5	208,701,657	232,078,804
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	120,573,799	101,785,931
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(22,727,273)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2,412,630,209	5,511,252,450
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>33,297,378,265</b>	<b>16,117,055,145</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13,312,123,478)	(13,099,750,813)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13,103,730,679)	4,457,140,506
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		17,342,773,629	(656,551,998)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		210,206,595	94,390,715
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,394,501,779)	(5,470,679,653)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(2,603,340,100)	(1,605,886,397)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,429,946,656)	(466,500,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16,006,715,797</b>	<b>(630,782,495)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,628,203,490)	(7,795,338,727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	22,727,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6,628,203,490)</b>	<b>(7,772,611,454)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH

Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		152,025,735,173	179,329,092,982
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(160,713,144,308)	(166,770,532,184)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(2,467,873,200)	(3,693,332,033)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11,155,282,335)</b>	<b>8,865,228,765</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1,776,770,028)</b>	<b>461,834,816</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>2,153,945,891</b>	1,692,111,075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>377,175,863</b>	<b>2,153,945,891</b>

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

# **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2009**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
  - Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa, in bao bì;
  - Mua, bán vật tư, nguyên liệu thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì...)

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 07 của Công ty.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- 2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Trong năm 2009, Công ty không phát sinh hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4

### **6. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **7. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là  $\frac{1}{2}$  tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi năm làm việc tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008 đối với tất cả cán bộ công nhân viên có mặt đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. (Năm 2007, mức trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội)

### **8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **9. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **10. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **13. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.477.439	130.938.743
Tiền gửi ngân hàng	367.698.424	2.023.007.148
<b>Cộng</b>	<b><u>377.175.863</u></b>	<b><u>2.153.945.891</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	-	931.022.230
Công ty TNHH Xi măng LUKS - Việt Nam	5.050.200.300	6.712.667.000
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Nghệ An	1.267.181.400	155.000.000
Công ty Xi măng COSEVCO Sông Danh	4.760.147.300	3.567.772.000
Công ty Supe phot phat và Hóa chất Lâm Thao	1.305.317.899	20.000.000
Công ty Xi măng Nghi Sơn	2.685.668.144	3.672.325.001
Công ty Điện tử điện máy Nghệ An	1.283.281.491	1.635.948.281
Công ty Cổ phần xi măng COSEVCO Phú Yên	633.920.000	667.200.000
Công ty Thương mại dịch vụ Nam Cường	293.054.594	2.448.924.000
Công ty TNHH Sao Mai Xanh	8.295.557.740	396.396.000
Công ty Xi măng Hoàng Mai	7.405.029.167	3.967.088.000
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát	6.947.098.297	4.935.580.000
Công ty TNHH Xi măng Bửu Long	1.262.376.600	1.608.786.650
Công ty Xi măng CHINFON	1.583.400.000	2.369.260.000
Nhà máy Đường Quỳnh Hợp	-	1.346.000.000
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9	971.360.031	-
Nhà máy Sản xuất giấy Hòa Bình	441.145.328	-
Công ty Xi măng Thanh Sơn	312.393.794	-
Công ty Xi măng Hòn Khói Khánh Hòa	273.954.546	-
Các đối tượng khác	416.360.646	696.187.253
<b>Cộng</b>	<b><u>45.446.444.647</u></b>	<b><u>35.389.153.785</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Chứng khoán TM và CN Việt Nam	-	30.000.000
Công ty Công nghiệp và Môi trường Sông Lam	-	19.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Không gian mới	-	30.000.000
Các đối tượng khác	44.000.000	7.975.000
<b>Cộng</b>	<b><u>44.000.000</u></b>	<b><u>86.975.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về tiền trợ cấp BHXH	83.502.932	-
Phí mở LC	8.245.447	7.569.568
<b>Cộng</b>	<b>91.748.379</b>	<b>7.569.568</b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	440.780.461	232.078.804
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	102.580.119
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	259.482.300	129.498.685
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	181.298.161	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>440.780.461</b>	<b>232.078.804</b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.087.048.849	10.986.883.776
Công cụ, dụng cụ	302.385.114	515.010.335
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.688.346.557	4.465.153.545
Thành phẩm	1.250.520.978	1.532.781.563
Hàng gửi đi bán	-	724.741.600
<b>Cộng</b>	<b>31.328.301.498</b>	<b>18.224.570.819</b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	201.972.595	-	201.972.595	-
Chi phí sửa chữa	8.234.000	-	8.234.000	-
<b>Cộng</b>	<b>210.206.595</b>	-	<b>210.206.595</b>	-

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	93.215.797	115.620.323
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn <sup>(*)</sup>	3.429.946.656	-
<b>Cộng</b>	<b>3.523.162.453</b>	<b>115.620.323</b>

<sup>(\*)</sup> Là các khoản ký quỹ mở L/C để nhập khẩu TSCĐ

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	4.724.291.099	32.406.670.095	943.584.254	293.010.853	38.367.556.301
Tăng trong năm					
<i>Mua sắm mới</i>	-	1.005.630.883	760.952.381	93.395.238	1.859.978.502
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	4.668.743.431	-	-	4.668.743.431
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.724.291.099</b>	<b>38.081.044.409</b>	<b>1.704.536.635</b>	<b>386.406.091</b>	<b>44.896.278.234</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.793.457.769	14.522.131.581	442.303.771	144.283.351	16.902.176.472
Tăng do khấu hao trong năm	483.265.112	6.529.204.423	123.600.721	64.575.529	7.200.645.785
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.276.722.881</b>	<b>21.051.336.004</b>	<b>565.904.492</b>	<b>208.858.880</b>	<b>24.102.822.257</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	2.930.833.330	17.884.538.514	501.280.483	148.727.502	21.465.379.829
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.447.568.218</b>	<b>17.029.708.405</b>	<b>1.138.632.143</b>	<b>177.547.211</b>	<b>20.793.455.977</b>

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến 31/12/2009 là 5.266.174.803 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 25.347.061.505 VND và 7.967.365.439 VND.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	5.634.991.794	5.573.390.237	61.601.557
XDCB dở dang	-	37.880.000	-	37.880.000
<i>Dự án nhà máy sản xuất bao bì Nghi Xuân tại Khu công nghiệp Nam Cẩm</i>	-	37.880.000	-	37.880.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.672.871.794</b>	<b>5.573.390.237</b>	<b>99.481.557</b>

#### 11. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản vốn góp mua 600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	22.677.815.792	20.318.259.977
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Vinh</i>	<i>20.928.614.130</i>	<i>20.318.259.977</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Nghệ An</i>	<i>1.749.201.662</i>	-
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	4.767.245.000	16.647.645.000
<i>Vay Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn</i>	-	<i>3.000.000.000</i>
<i>Vay các cá nhân</i>	<i>4.767.245.000</i>	<i>13.647.645.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số V.18)	1.214.530.300	1.222.344.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Vinh</i>	<i>507.730.300</i>	<i>1.222.344.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An</i>	<i>706.800.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28.659.591.092</u></b>	<b><u>38.188.248.977</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng/giảm do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.318.259.977	144.413.086.685	(58.163.391)	141.995.367.479	22.677.815.792
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	16.647.645.000	2.190.000.000	-	14.070.400.000	4.767.245.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.222.344.000	1.214.530.300	-	1.222.344.000	1.214.530.300
<b>Cộng</b>	<b><u>38.188.248.977</u></b>	<b><u>147.817.616.985</u></b>	<b><u>(58.163.391)</u></b>	<b><u>157.288.111.479</u></b>	<b><u>28.659.591.092</u></b>

#### 13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Công ty Cổ phần Hoá chất Vật liệu điện Đà Nẵng	-	1.520.000.000
Công ty Cổ phần Hoá chất Bình Minh	917.675.000	727.704.340
Công ty TNHH Giấy Bình Minh	904.882.064	-
Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	6.892.865.855	-
Công ty TNHH Thành Dũng	2.809.799.450	880.889.225
Công ty TNHH Ngân Hạnh	1.614.720.100	-
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bao bì	1.019.444.200	-
Công ty Cổ phần Giấy Quảng Bình	1.754.930.932	-
Công ty Cổ phần XNK&VT Container Nghệ An	281.305.176	282.070.964
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Đông	325.325.000	-
Công ty Cổ Phần Giấy Hoàng Văn Thụ	5.884.502.092	3.349.285.702
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hà Đức	486.686.630	10.641.945
Các đối tượng khác	780.537.852	1.492.911.824
<b>Cộng</b>	<b><u>23.672.674.351</u></b>	<b><u>8.263.504.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH V.I.S.T.A	45.829.661	149.237.519
Nhà máy Sản xuất giấy Hòa Bình	-	41.103.184
<b>Cộng</b>	<b><u>45.829.661</u></b>	<b><u>190.340.703</u></b>

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.330.839.747	-	1.330.839.747	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.072.033.863	3.072.033.863	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	176.397.431	176.397.431	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	191.209.034	6.137.940.556	2.603.340.100	3.725.809.490
Thuế thu nhập cá nhân	-	70.745.948	70.745.948	-
Tiền thuê đất	-	86.647.115	86.647.115	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.522.048.781</u></b>	<b><u>9.546.764.913</u></b>	<b><u>7.343.004.204</u></b>	<b><u>3.725.809.490</u></b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Hàng bán trong nước	10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.10

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.354.826.815	5.587.481.351
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.196.935.410	350.396.003
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.298.721.341	350.396.003
<i>Số trích dự phòng trợ cấp mất việc làm vượt quá 3% quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH</i>	<i>1.269.648.096</i>	-
<i>Chi nộp phạt nộp chậm thuế</i>	<i>5.673.245</i>	-
<i>Chi phụ cấp cho thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>23.400.000</i>	<i>42.783.999</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2007</i>	-	<i>176.931.662</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2008</i>	-	<i>101.785.931</i>
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ khác</i>	-	<i>28.894.411</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(101.785.931)	-
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2008</i>	<i>(101.785.931)</i>	-
Tổng thu nhập chịu thuế	24.551.762.225	5.937.877.354
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i></b>	<b><i>6.137.940.556</i></b>	<b><i>1.662.605.659</i></b>
<b><i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</i></b>	<b>-</b>	<b><i>9.170.246</i></b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>6.137.940.556</u></b>	<b><u>1.671.775.905</u></b>

### ***Thuế nhà đất***

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### ***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## **16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phép phải trả	547.634.202	-
Chi phí lãi vay phải trả	58.701.227	40.572.797
Phí ủy thác xuất khẩu	-	25.570.621
Trích trước tiền điện sản xuất tháng 12	532.688.713	386.298.400
Trích trước tiền vận chuyển	586.328.961	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.725.353.103</u></b>	<b><u>452.441.818</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	282.809.119	117.702.743
Bảo hiểm xã hội	50.372.533	62.452.146
Phải trả, phải nộp khác	14.245.025	908.112.249
<i>Phải trả công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Miền Trung (tạm nhập vật tư)</i>	-	660.000.000
<i>Phải trả về chi phí vận chuyển vỏ bao</i>	-	199.095.238
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	14.245.025	88.582.291
<b>Cộng</b>	<b><u>347.426.677</u></b>	<b><u>1.088.267.138</u></b>

#### 18. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Vinh<sup>(a)</sup></b>	<b>2.715.191.658</b>	<b>3.904.710.000</b>
Hợp đồng tín dụng số 1102/07/NHNT	872.650.958	3.904.710.000
Hợp đồng tín dụng số 523/09/NHNT	1.516.014.500	-
Hợp đồng tín dụng số 658/09/NHNT	326.526.200	-
<b>Vay dài hạn TMCP Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An<sup>(b)</sup></b>	<b>2.117.249.000</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>4.832.440.658</u></b>	<b><u>3.904.710.000</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Vinh:

Theo hợp đồng tín dụng số 1102/07/NHNT ngày 04 tháng 09 năm 2007 để đầu tư máy sợi và máy dệt manh bao xi măng, tổng số tiền 350.000 USD, thời hạn vay 48 tháng với lãi suất vay là 7,5%/năm.

Theo hợp đồng tín dụng số 523/09/NHNT ngày 08 tháng 04 năm 2009 để đầu tư máy tráng mảnh bao xi măng, tổng số tiền 115.000 USD, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất vay là 4%/năm.

Theo hợp đồng tín dụng số 658/09/NHNT ngày 29 tháng 04 năm 2009 để đầu tư máy máy in bao bì PP với số tiền là 24.700 USD, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất vay là 4%/năm.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 15 tháng 06 năm 2009 để đầu tư mua máy tạo ống 15MP với tổng số tiền vay là 230.000 USD, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Lãi suất được hỗ trợ là 4%/năm trong thời gian là 24 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ.

#### *Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn ngân hàng*

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Vinh	3.222.921.958	507.730.300	2.715.191.658
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An	2.824.049.000	706.800.000	2.117.249.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.046.970.958</u></b>	<b><u>1.214.530.300</u></b>	<b><u>4.832.440.658</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng do chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Vinh	3.904.710.000	2.622.670.988	120.573.799	3.425.032.829	507.730.300	2.715.191.658
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An	-	2.824.049.000	-	-	706.800.000	2.117.249.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.904.710.000</u></b>	<b><u>5.446.719.988</u></b>	<b><u>120.573.799</u></b>	<b><u>3.425.032.829</u></b>	<b><u>1.214.530.300</u></b>	<b><u>4.832.440.658</u></b>

#### 19. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	141.191.656	39.267.887
Số trích lập trong năm	1.431.855.171	141.191.656
Số chi trong năm	(73.056.452)	(39.267.887)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.499.990.375</u></b>	<b><u>141.191.656</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

### 20. **Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	<b>15.000.000.000</b>	-	<b>3.985.951.549</b>	<b>946.833.896</b>	<b>4.179.048.598</b>	<b>24.111.834.043</b>
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	3.983.640.000	-	(3.983.640.000)	-	-	-
Bổ sung quỹ Đầu tư phát triển từ Thuế TNDN được giảm năm 2007	-	-	679.562.706	-	(679.562.706)	-
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	482.886.064	355.728.000	(1.234.413.314)	(395.799.250)
Chia cổ tức năm 2007	-	-	-	-	(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2008	-	-	-	-	(2.278.036.800)	(2.278.036.800)
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(85.000.000)	(85.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.940.475.879	3.940.475.879
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>18.983.640.000</b>	-	<b>1.164.760.319</b>	<b>1.302.561.896</b>	<b>1.592.511.657</b>	<b>23.043.473.872</b>
Số dư đầu năm nay	18.983.640.000	-	1.164.760.319	1.302.561.896	1.592.511.657	23.043.473.872
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2008	-	-	354.642.829	394.047.588	(964.202.457)	(215.512.040)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	(569.509.200)	(569.509.200)
Chi thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2008	-	-	-	-	(58.800.000)	(58.800.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	17.216.886.259	17.216.886.259
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	13.289.554	-	-	-	13.289.554
Tạm ứng cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(1.898.364.000)	(1.898.364.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>18.983.640.000</b>	<b>13.289.554</b>	<b>1.519.403.148</b>	<b>1.696.609.484</b>	<b>15.318.522.259</b>	<b>37.531.464.445</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

#### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	9.675.780.000	9.675.780.000
Vốn góp của các cổ đông khác	9.307.860.000	9.307.860.000
<b>Cộng</b>	<b><u>18.983.640.000</u></b>	<b><u>18.983.640.000</u></b>

#### *Cổ tức*

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	569.509.200
Tạm ứng cổ tức năm nay	1.898.364.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.467.873.200</u></b>

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.898.364	1.898.364
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.898.364	1.898.364
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.898.364</i>	<i>1.898.364</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.898.364	1.898.364
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.898.364</i>	<i>1.898.364</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	33.858.142	104.558.893
Số trích lập trong năm	215.512.040	395.799.249
Số chi trong năm	-	(466.500.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>249.370.182</u></b>	<b><u>33.858.142</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>272.316.904.650</b>	<b>220.283.009.564</b>
- Doanh thu bán thành phẩm, nửa thành phẩm	263.031.235.774	214.703.773.847
- Doanh thu bán nguyên liệu	9.285.668.876	5.579.235.717
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(366.678.874)</b>	<b>(599.789.902)</b>
- Giảm giá hàng bán	-	(185.559.700)
- Hàng bán bị trả lại	(366.678.874)	(414.230.202)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>271.950.225.776</b>	<b>219.683.219.662</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán thành phẩm, nửa thành phẩm	262.664.556.900	214.103.983.945
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	9.285.668.876	5.579.235.717

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm, nửa thành phẩm đã cung cấp	219.211.879.955	187.272.320.932
Giá vốn nguyên liệu đã cung cấp	8.382.083.354	6.491.495.231
<b>Cộng</b>	<b>227.593.963.309</b>	<b>193.763.816.163</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	29.135.414	17.553.909
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.837.845	33.131.989
<b>Cộng</b>	<b>99.973.259</b>	<b>50.685.898</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.412.630.209	5.511.252.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	120.573.799	101.785.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.158.315.298	3.133.073.179
<b>Cộng</b>	<b>4.691.519.306</b>	<b>8.746.111.560</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	198.548.241	115.015.180
Chi phí vật liệu, bao bì	628.225.007	579.663.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.302.798	-
Chi phí bảo hành	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.495.923.019	6.249.282.044
Chi phí bằng tiền khác	372.785.364	293.853.090
<b>Cộng</b>	<b>9.721.784.429</b>	<b>7.237.813.800</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.924.351.216	2.219.138.531
Chi phí vật liệu quản lý	171.811.356	372.463.349
Chi phí đồ dùng văn phòng	75.652.960	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	224.411.215	213.042.089
Thuế, phí và lệ phí	358.658.607	209.308.110
Chi phí dự phòng	1.640.556.828	373.270.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.940.529	153.558.663
Chi phí bằng tiền khác	994.483.598	890.546.657
<b>Cộng</b>	<b><u>6.555.866.309</u></b>	<b><u>4.431.327.859</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	22.727.273
Thu tiền phạt theo quy chế	56.448.900	37.301.260
Giảm công nợ do hàng kém chất lượng	1.059.301	11.486.250
Các khoản thu khác	5.751.008	54.608.997
<b>Cộng</b>	<b><u>63.259.209</u></b>	<b><u>126.123.780</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm công nợ phải thu do hàng rách vỡ	79.762.145	45.835.101
Thuế phạt chậm nộp	5.673.245	-
Các khoản chi phí khác	110.062.686	47.643.506
<b>Cộng</b>	<b><u>195.498.076</u></b>	<b><u>93.478.607</u></b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.216.886.259	3.940.475.879
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.216.886.259	3.940.475.879
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.898.364	1.898.364
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>9.069</u></b>	<b><u>2.076</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.898.364	1.500.000
Ảnh hưởng của việc tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	398.364
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>1.898.364</u></b>	<b><u>1.898.364</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	422.952.493	251.826.735
Phụ cấp	57.600.000	42.419.151
Tiền thưởng	30.104.472	37.260.000
<b>Cộng</b>	<b><u>510.656.965</u></b>	<b><u>331.505.886</u></b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Hợp tác kinh tế Quân khu 4	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty mẹ như sau:

<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức năm 2008 phải trả Công ty mẹ	290.273.400	1.161.093.600
Cổ tức năm 2009 phải trả Công ty mẹ	967.578.000	-
Nộp tiền BHXH năm 2008 lên Công ty mẹ	18.462.084	19.782.640
Trả cổ tức bằng tiền	1.896.482.916	1.475.388.833

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty mẹ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ phải trả	21.782.640	678.876.240

### 2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.11).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 13.289.554 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí như những năm trước.

### **3. Thay đổi ước tính kế toán**

Năm 2009, Công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng với hệ số khấu hao nhanh là 1,2 đến 2 lần so với mức khấu hao năm 2008. Việc thay đổi phương pháp tính khấu hao này đã làm chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2009 tăng thêm 1.505.737.646 VND so với chi phí khấu hao xác định theo phương pháp khấu hao trong năm 2008.

Năm 2009 Công ty thực hiện trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc với mức trích là  $\frac{1}{2}$  tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội cho 01 năm làm việc tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008 so với mức trích 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của năm 2008. Công ty thấy rằng việc trích lập theo mức mới này sẽ đảm bảo cho Công ty có nguồn để chi trả trợ cấp thôi việc khi người lao động nghỉ việc. Việc thay đổi mức trích quỹ dự phòng này đã làm cho chi phí quản lý của doanh nghiệp tăng thêm 1.269.648.096 VND so với việc áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng như năm trước.

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2010

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

---

**Trần Thị Hồng Thái**

---

**Nguyễn Xuân Hải**